TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Cảnh

Bà Nguyễn Thị Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1996;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm H (nay là xóm E), xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà C, đường Đ, quận Đ, thành phố Đ, Đài Loan; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Đăng T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm H (nay là xóm E), xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà F, đường D, quận L, thành phố Đ, Đài Loan; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Ông Phạm Đăng N, sinh năm 1957;

Địa chỉ cư trú: Xóm H (nay là xóm E), xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Hoàng Văn L và bà Phan Thị H;

Địa chỉ cư trú: Xóm A (nay là xóm A), xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền và đơn xin xét xử vắng mặt (có chứng thực của Văn phòng K tại Đ), nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Đăng T1 kết hôn vào ngày 15 tháng 6 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2019, chị sang Đài Loan làm việc và đến tháng 10 năm 2019, anh T1 cũng sang Đài Loan làm việc. Từ đó, vợ chồng cùng chung sống và làm việc tại Đài Loan. Đến khoảng tháng 8 năm 2020 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, không còn hòa hợp với nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng đều không được. Đến tháng 9 năm 2021, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện tại, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Đăng T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Anh T2, sinh ngày 28/11/2015 và Phạm Anh T3, sinh ngày 01/01/2018. Hiện con chung Phạm Anh T2 đang được cha của anh T1 là ông Phạm Đăng N chăm sóc, nuôi dưỡng; còn con chung Phạm Anh T3 đang ở cùng với cha mẹ của chị là ông Hoàng Văn L và bà Phan Thị H. Nếu ly hôn, chị và anh Phạm Đăng T1 thỏa thuận: Giao con chung Phạm Anh T2 cho anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Anh T3 cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc các con trưởng thành. Do chị đang làm việc ở nước ngoài nên nhờ ông Hoàng Văn L và bà Phan Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Anh T3 cho đến khi chị về Việt Nam với cháu T3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Hoàng Thị T hiện đang cư trú và làm việc tại Đài Loan, không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Cẩm D, địa chỉ cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai, giấy ủy quyền và đơn xin xét xử vắng mặt (có chứng thực của Văn phòng K tại Đ), bị đơn anh Phạm Đăng T1 trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 15/6/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2019, chị T sang Đài Loan làm việc và đến tháng 10 năm 2019, anh cũng sang Đài Loan làm việc. Từ đó, vợ chồng cùng chung sống và làm việc tại Đài Loan. Đến khoảng tháng 8 năm 2020 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, không còn hòa hợp với nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng đều không được. Đến tháng 9 năm 2021, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện tại, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Hoàng Thị T làm đơn xin ly hôn thì anh cũng cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Anh T2, sinh ngày 28/11/2015 và Phạm Anh T3, sinh ngày 01/01/2018. Hiện con chung Phạm Anh T2 đang được cha của anh là ông Phạm Đăng N chăm sóc, nuôi dưỡng; còn con chung Phạm Anh T3 đang ở cùng với cha mẹ của chị T là ông Hoàng Văn L và bà Phan Thị H. Nếu ly hôn, anh và chị Hoàng Thị T thỏa thuận: Giao con chung Phạm Anh T2 cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Anh T3 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc các con trưởng thành. Do anh đang làm việc ở nước ngoài nên nhờ ông Phạm Đăng N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Anh T2 cho đến khi anh về Việt Nam với cháu T2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Đ Thực hiện đang cư trú và làm việc tại Đài Loan, không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh ủy quyền cho anh Nguyễn Viết D1, địa chỉ cư trú: số B P, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nộp bản tự khai, giấy ủy quyền, tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Văn L và bà Phan Thị H có đơn trình bày:

Ông bà là cha mẹ đẻ của chị Hoàng Thị T. Chị T và anh Phạm Đăng T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau một thời gian chung sống, anh T1 và chị T đi sang Đài Loan làm việc và có gửi cháu Phạm A Trúc cho ông bà trông nom, chăm sóc từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Hiện tại, chị T và anh T1 ly hôn thì ông bà không yêu cầu chị T và anh T1 phải trả công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T3. Nếu Tòa án giao cháu Phạm Anh T3 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng thì ông bà cam kết sẽ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T3 chu đáo cho đến khi chị T về Việt Nam. Đồng thời, ông bà đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Ông Phan Đăng N1 trình bày:

Ông là cha đẻ của anh Phạm Đăng T1. Từ khi chị T và anh T1 đi lao động ở nước ngoài thì có nhờ ông chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Anh T2 cho đến nay. Hiện tại chị T và anh T1 ly hôn, thỏa thuận giao con chung Phạm Anh T2 cho anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Phạm A Trúc cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh T1 đang làm việc ở nước ngoài nên ông đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 và không yêu cầu chị T và anh T1 phải trả công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2. Đồng thời, ông đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Phạm Đăng T1. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các bên như sau: Chị Hoàng Thị T và Anh Phạm Đăng T1 có 02 con chung. Giao cho chị Hoàng Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Anh T3, sinh ngày 01/01/2018 và giao cho anh Phạm Đăng T1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con Phạm Anh T2, sinh ngày 28/11/2015 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do chị T và anh T1 đang ở nước ngoài nên ông Hoàng Văn L và bà Phan Thị H (cha mẹ của chị T) nhận trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Anh T3; ông Phạm Đăng N (cha của anh T1) nhận trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Anh T2 cho đến khi chị T và anh T1 về Việt Nam với các cháu. Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Anh Phạm Đăng T1, chị Hoàng Thị T, ông Phạm Đăng N, ông Hoàng Văn L và bà Phan Thị H không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Hoàng Thị T hiện đang cư trú tại Đài Loan đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Đ Thực hiện đang cư trú tại Đài Loan; trước xuất cảnh anh T1 và chị T đều có địa chỉ

cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Căn cứ vào khoản 2 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án không tiến hành hòa giải được vì nguyên đơn chị Hoàng Thị T và bị đơn anh Phạm Đăng T1 đều không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Đ Thực hiện đang cư trú tại Đài Loan, không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị T đã ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Cẩm D; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, tài liệu (có chứng thực của Văn phòng K tại Đ) và chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T1 đã ủy quyền cho anh Phạm Viết D2; địa chỉ cư trú: Số B P, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nộp bản tự khai, giấy ủy quyền, tài liệu có chứng thực của Văn phòng K tại Đ) và anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Phạm Đăng N, ông Hoàng Văn L và bà Phan Thị H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tài liệu và chứng cứ mà các bên đã nộp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Đăng T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 15 tháng 6 năm 2015, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2019, chị T sang Đài Loan làm việc và đến tháng 10 năm 2019, anh T1 cũng sang Đài Loan làm việc. Từ đó, vợ chồng cùng chung sống và làm việc tại Đài Loan. Đến khoảng tháng 8 năm 2020 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, không còn hòa hợp với nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả. Đến tháng 9 năm 2021, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện tại, chị T và anh T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Về phía anh T1 cũng đồng ý ly hôn, thỏa thuận nuôi con và không yêu cầu Tòa án chia tài sản theo yêu cầu ly hôn của chị T. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Điều 3 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của

pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Phạm Đăng T1.

[3]. Về con chung: Chị Hoàng Thị T và Anh Phạm Đăng T1 có 02 con chung. Nay ly hôn, chị T và Anh T1 thỏa thuận: Chị Hoàng Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Anh T3, sinh ngày 01/01/2018 và anh Phạm Đăng T1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con Phạm Anh T2, sinh ngày 28/11/2015 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do chị T và anh Thực hiện đang ở nước ngoài nên ông Hoàng Văn L và bà Phan Thị H (cha mẹ của chị T) nhận trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Anh T3; ông Phạm Đăng N (cha của anh T1) nhận trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Anh T2 cho đến khi chị T và anh T1 về Việt Nam với các cháu.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Đăng T1, ông Phạm Đăng N, ông Hoàng Văn L và bà Phan Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 104 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị T và A Phạm Đăng T1 không yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn.

[5]. Về án phí: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Đăng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 và khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Phạm Đăng T1.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Chị Hoàng Thị T và Anh Phạm Đăng T1 có 02 con chung;

Giao cho chị Hoàng Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Anh T3, sinh ngày 01/01/2018; giao cho anh Phạm Đăng T1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con Phạm Anh T2, sinh ngày 28/11/2015 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do chị T và anh Thực hiện đang ở nước ngoài nên ông Hoàng Văn L và bà Phan Thị H (cha mẹ của chị T) nhận trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Anh T3; ông Phạm Đăng N (cha của anh T1) nhận trách nhiệm tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Anh T2 cho đến khi chị T và anh T1 về Việt Nam với các cháu.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Đăng T1, ông Phạm Đăng N, ông Hoàng Văn L và bà Phan Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Hoàng Thị T và anh Phạm Đăng T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị T và A Phạm Đăng T1 không yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004478 ngày 17/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Anh Phạm Đăng T1 phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. (anh T1 chưa nộp).

6. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Đăng T1 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Đăng N, ông Hoàng Văn L và bà Phan Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn Trung, Diễn Châu, NA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Quỳnh